

Bản án số 182/2020/DS-PT

Ngày 11/9/2020

Về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Tuấn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 184/TBTL-TA ngày 01/4/2020 về “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1397/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966, có Đơn đề ngày 03/9/2020 đề nghị cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 184/18/30 đường L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H là Luật sư Nguyễn Văn H1, thuộc Công ty Luật TNHH K, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc C, sinh năm 1964, có Đơn đề ngày 08/9/2020 đề nghị cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thôn Đ, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1942; địa chỉ: nhà số 222, đường HK, phường N2, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3.2. Ông Lê Hào K1, sinh năm 1947; địa chỉ: Tổ 1, thôn TT, xã N3, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3.3. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1951; địa chỉ: nhà số 71/22 đường 2/4 phường Vạn Thắng, N, Khánh Hòa, vắng mặt.

3.4. Ông Lê Ngọc L2, sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thôn ĐC, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

3.5. Ông Lê Thanh B, sinh năm 1959; địa chỉ: 2101 Manhattan bivd apth 303 Harvey LA.70058 - Hoa Kỳ, vắng mặt.

3.6. Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thôn ĐC, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

Bà Lê Thị H là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Hào K1, ông Lê Văn Ch theo Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018 và đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Thanh B theo Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2018 được Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ xác nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 16/10/2018, bà H vắng, có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3.7. Bà Trịnh Thị Uyên D, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ dân phố 9, thôn ĐC, phường N, thị xã N1, Khánh Hòa, vắng mặt.

3.8. Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1, đường 2/4, TDP 4, phường N4, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

4. Người kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo;

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:* Cụ Lê Ngọc Ph chết năm 1989 có 3 người vợ; với người vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị L3 (chết đã lâu) có một con chung là bà Lê Thị H3; với người vợ thứ hai là Ngô Thị Th1 (đã chết) có 2 con chung là ông Lê Hào K1 và ông Lê Thanh B; với người vợ thứ ba là cụ Ngô Thị C1 (chết năm 1995) có 5 con chung là bà Lê Thị L1, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Văn Ch, ông Lê Ngọc C và bà Lê Thị H.

Khởi di sản của cụ Ph và cụ C1 tạo lập để lại là ngôi nhà cấp 4 và diện tích 584m² đất (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ 15 được UBND huyện N1 (nay là thị xã N1) cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 01144//QSDD/NH-NH ngày 06/12/2000 và thửa đất số 340, tờ bản đồ 15 diện tích 9.566m² loại đất HNK tại tổ 9, thôn ĐC, phường N, thị xã N1 được UBND huyện N1 cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số CH 00087 ngày 15/4/2010, nhưng do cả 02 thửa đất đều đứng tên vợ chồng ông Lê Ngọc C nên các anh em khiếu nại và UBND thị xã N1 đã ban hành Quyết định thu hồi 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cha mẹ chết không để lại di chúc, 02 thửa đất của cha mẹ để lại hiện do vợ chồng ông C quản lý, sử dụng không chia cho anh em nên nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ theo pháp luật.

- *Bị đơn là ông Lê Ngọc C trình bày:* Cụ Lê Ngọc Ph chết năm 1989 và cụ Ngô Thị C1 chết năm 1995 để lại di sản là nhà cấp 4 và 584m² đất ở tại thửa đất số 133 tờ bản đồ 15 phường N, còn phần đất phía sau diện tích 11.024m² là do vợ chồng ông C khai hoang đất gò. Sau khi chuyển nhượng một phần đất cho ông Lê Thanh Trung thì diện tích còn lại là hơn 9.000m² là đất ông C và bà D khai hoang nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà H.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L1, bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, Lê Văn Ch, Lê Hào K1, Lê Thanh B* thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

- *Người làm chứng là bà Ngô Thị M trình bày:* Bà thấy và chứng kiến quá trình cụ Ph và cụ C1 xây dựng ngôi nhà nhỏ để ở từ trước giải phóng trên khu đất rất rộng lớn, trên đất có trồng dừa, xoài đến sát động cát mênh mông. Sau giải

phóng thì hai cụ trồng khoai lang, dương và làm muối. Bà M xác nhận diện tích đất đang tranh chấp do cụ Ph và cụ C1 tạo dựng trước giải phóng chứ không phải do vợ chồng ông C, bà D khai hoang.

- *Người làm chứng là ông Phạm Hồng N5 trình bày:* Ông sinh sống tại đây từ năm 1976, khi về đã thấy cụ Ph và cụ C1 xây dựng nhà ở và khai hoang canh tác diện tích đất rất rộng lớn khoảng hơn 10.000m², giáp với động cát gần khu du lịch Cát Trắng hiện nay.

- *Người làm chứng là ông Ngô B1 trình bày:* Ông ở gần nhà vợ chồng ông C và có thửa đất liền kề thửa đất số 340 tờ bản đồ số 15 hiện có tranh chấp nên biết thửa đất 340 này do vợ chồng ông C khai hoang năm 1982, chứ không phải do vợ chồng cụ Ph khai hoang vì lúc này hai Cụ đã già yếu không còn sức lao động.

- *Người làm chứng là bà Ngô Thị N6 trình bày:* Bà là hàng xóm của vợ chồng ông C. Cha mẹ của Bà là cụ Ngô N7 và cụ Trần Thị N8 bán cho vợ chồng cụ Ph, cụ C1 lô đất diện tích 584m² mà hiện nay vợ chồng ông C đang quản lý sử dụng, ranh giới vẫn nguyên như trước đây; còn diện tích 9.566m² đất tại thửa 340, tờ bản đồ 15 do vợ chồng ông C khai hoang chứ không phải do vợ chồng cụ Ph, cụ C1 khai hoang.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 (Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 09/2019/QĐ-SCBSBA ngày 25/12/2019), Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 35; Điều 147; 153; khoản 2 Điều 227; điểm a, khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 61-6, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015; Áp dụng Án lệ số 05/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016. Áp dụng Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của hai cụ Lê Ngọc Ph và Ngô Thị C1.

1.1. Xác định di sản của hai cụ Lê Ngọc Ph và Ngô Thị C1 là quyền sử dụng đất 584m² (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) thửa đất 133 tờ bản đồ 15 và 8.955,5m² thửa 340 (đất cây lâu năm) tờ bản đồ 15 tổ 9 thôn ĐC, phường N, thị xã N1. Tổng giá trị di sản 796.297.000đ kèm theo trích đo địa chính thửa đất.

1.2. Trích giá trị công sức gìn giữ di sản cho ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị Uyên D 255.895.000đ (trong đó thửa 133 giá trị 42.602.000đ và thửa 340 diện tích 3.880,7m² giá trị 213.833.000đ) nên giá trị còn để chia là 540.402.000đ (trong đó thửa 133 còn giá trị để chia 260.786.000đ và thửa 340 còn giá trị để chia 279.616.000đ).

1.3. Chia di sản bằng hiện vật:

- *Chia cho bà Lê Thị H, Lê Thị L1, Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, Lê Hào K1, Lê Văn Ch 5.339,5m² trích từ thửa 133 có diện tích 264,7m² (trong đó 90,7m² đất ở, 155,9m² đất trồng cây lâu năm; 18,1m² đất lưu không) và thửa 340 có diện tích 5.074,8m² đất trồng cây lâu năm tờ bản đồ 15 thôn ĐC, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa. Ký hiệu B trên sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất kèm theo. Tổng giá trị 416.917.000đ.*

- *Chia hiện vật cho ông Lê Ngọc C và Trịnh Thị Uyên D 4.200m² trích từ thửa 133 có diện tích 319,3m² (trong đó 109,3m² đất ở và 188m² đất trồng cây lâu*

năm; 21,9m² đất lưu không) và thửa 340 có diện tích 3.880,7m² đất trồng cây lâu năm tờ bản đồ 15 phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa. Ký hiệu A trên sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất kèm theo. Tổng giá trị 379.341.000đ trong đó giá trị công sức gìn giữ di sản 255.895.000đ và giá trị hưởng di sản 123.446.000đ (Thừa kỷ phần 35.630.000đ).

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của những người thừa kế giao cho ông Lê Ngọc L2 quản lý di sản của cụ Lê Ngọc Ph và cụ Ngô Thị C1 diện tích đất có mộ 274m² thuộc thửa 340 tờ bản đồ 15 phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa. Ký hiệu C trên sơ đồ Trích đo địa chính thửa đất kèm theo.

(Kèm theo Trích đo địa chính thửa đất đo ngày 14/01/2019, xác nhận ngày 25/01/2019 của Công ty đo đạc bản đồ và dịch vụ thương mại Chiến Thắng tỉ lệ 1/1000 trên khổ giấy A3 và Trích đo địa chính thửa đất tỉ lệ 1/1500 khổ giấy A4 về việc phân chia di sản trên sơ đồ)

1.5. Thanh toán chênh lệch kỷ phần:

- Ông Lê Thanh B được chia di sản bằng giá trị. Ông Lê Ngọc C có nghĩa vụ giao 33.775.000đ cho ông Lê Thanh B.

- Ông Lê Ngọc C có nghĩa vụ giao 1.855.000đ cho bà Lê Thị H, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Hào K1 và ông Lê Văn Ch.

1.6. Thanh toán tài sản: Bà Lê Thị H, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Hào K1 và ông Lê Văn Ch thanh toán cho ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị Uyên D giá trị cây trồng 8.700.000đ (Tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

1.7. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Ngọc C do ông Huỳnh Th đại diện không yêu cầu thanh toán giá trị 1 cây dừa là di sản.

2. Các đương sự bà Lê Thị H, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Hào K1, Lê Văn Ch, ông Lê Ngọc C, bà Trịnh Thị Uyên D có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144/QSDĐ/NH-NH ngày 06/12/2000 đối với thửa 133 diện tích 584m² tờ bản đồ 15 tổ 9 thôn ĐC, phường N, thị xã N1 do Ủy ban nhân dân thị xã N1 cấp cho ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị Uyên D.

4. Tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp giữa ông Lê Ngọc C và bà D và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 về việc thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144/QSDĐ/NH-NH ngày 06/12/2000 đối với thửa 133 diện tích 584m² tờ bản đồ 15 thôn ĐC, phường N, thị xã N1.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có quyền yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu bằng vụ án dân sự khác.

5. Chi phí đo vẽ, định giá, sao lục hồ sơ tổng số tiền 14.190.000đ do bà Lê Thị H nộp tạm ứng đủ. Các đương sự hưởng 1 kỷ phần phải chịu 1.773.000đ nên ông Lê Ngọc C, bà Lê Thị L1, bà Lê Thị H2, ông Lê Ngọc L2, Lê Văn Ch, ông Lê Hào K1 và ông Lê Thanh B mỗi người phải trả lại cho bà Lê Thị H 1.773.000đ (Một triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

6. Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 4.390.000đ nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 1.875.000đ theo biên lai số AA/2016/0000630 ngày 01/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa nên còn phải nộp 2.515.000đ; bà Lê Thị L1, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Văn Ch, ông Lê Ngọc C mỗi người phải nộp

4.390.000đ; ông Lê Thanh B, ông Lê Hào K1, bà Lê Thị H2 mỗi người người phải nộp 1.688.000đ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành các khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 11/12/2019 bà Lê Thị H kháng cáo cho rằng ông C được chia 02 kỷ phần (một kỷ phần thừa kế, một kỷ phần công sức bảo quản) và được chia hiện vật với diện tích 4.070m² đất trồng cây hàng năm + 50m² đất ở; trong khi 06 anh chị em Bà chỉ được chia 5.134m² đất trồng cây hàng năm + 150m² đất ở là không công bằng nên đề nghị cấp phúc thẩm chia hiện vật lại.

- Ngày 10/12/2019, ông Lê Ngọc C kháng cáo cho rằng di sản của cha mẹ chỉ là lô đất 133 nhưng đã cho vợ chồng ông từ năm 1989, còn thửa đất số 340 là đất do vợ chồng ông khai hoang từ năm 1982 nên đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/KNPT-VKS-DS ngày 24/12/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vì:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án xác định và đưa Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng. Tuy nhiên, Tòa án không xác định ai là người đại diện theo pháp luật là chưa đúng quy định tại các Điều 134, 137 Bộ luật dân sự. Các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng gồm: Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng số 902/2019/TB-TLVA ngày 05/9/2019, văn bản số 903/2019/CV-DS ngày 05/9/2019 thể hiện Tòa án yêu cầu tổng đạt các văn bản tố tụng trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 là không đúng với tư cách người tham gia tố tụng. Sau khi bổ sung Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không đảm bảo thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa không lấy lời khai người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam để xác định ý kiến của Ngân hàng đối với việc nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 15, diện tích 584m² và yêu cầu của Ngân hàng đối với việc giải quyết hậu quả giao dịch thế chấp vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa lại nhận định Ngân hàng không có ý kiến là không chính xác, vì tư cách tham gia tố tụng trong vụ án này là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chứ không phải là

Chi nhánh hay Phòng giao dịch. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa tuyên bố Hợp đồng thế chấp giữa ông Lê Ngọc C và bà D và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144/QSĐĐ/NH-NH ngày 06/12/2000 đối với thửa 133 diện tích 584m² tờ bản đồ 15, thôn ĐC, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng.

Về nội dung:

- Việc Tòa án xác định và chia di sản thừa kế cho cả bà D (tại phần quyết định: Bản án tuyên chia hiện vật cho ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị Uyên D, trong đó có phần hưởng di sản) là không đúng quy định của pháp luật. Vì bà D không phải là người được hưởng thừa kế của ông Ph và bà C1 mà chỉ có ông C được hưởng di sản của cha mẹ để lại.

- Bản án dân sự sơ thẩm tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không chính xác vì theo Quyết định số 7286/QĐ-UB ngày 07/10/2014 thì Ủy ban nhân dân thị xã N1 đã thu hồi và xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144/QSĐĐ/NH-NH ngày 06/12/2000 (bị ghi nhầm ngày 20/6/2000) không còn giá trị.

- Bản án tuyên chia phần đất của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ký hiệu B, phần đất chia cho bị đơn và bà D có ký hiệu A, nhưng bản vẽ trích đo địa chính thửa đất không có các ký hiệu A, B mà phân theo lô từ 01 đến 06, làm ảnh hưởng đến việc thi hành bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ nên đề nghị chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sêri L483095 (số vào sổ cấp GCN: 01144.QSĐĐ/NH-NH) ngày 06/12/2000, Ủy ban nhân dân huyện N1 công nhận “hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1” có quyền sử dụng tổng diện tích 11.608 m² đất gồm: Thửa 133, tờ bản đồ 15 diện tích 584m² (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) và Thửa 139, tờ bản đồ 15 diện tích 11.024m² đất LN hạn sử dụng đến tháng 12/2050” (bút lục 184). Theo trình bày của vợ chồng ông C và căn cứ Trích sao hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh thị xã N1 cung cấp (b1 92) thì ngày 15/4/2010 UBND huyện N1 (theo đề nghị của vợ chồng ông C)

tách thửa 139 (cũ) và cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* cho vợ chồng ông C đối với 2 thửa mới là thửa 339 diện tích 1.458m² (thửa này vợ chồng ông C chuyển nhượng cho ông Lê Thanh Trung, bà Lê Thị Hồng Nguyệt ngày 04/8/2010) và thửa 340 diện tích 9.566m² hiện vợ chồng ông C, bà D đang quản lý, sử dụng. Ngày 16/3/2018 bà Lê Thị H khởi kiện trình bày cụ Lê Ngọc Ph chết năm 1989 có 3 người vợ; với người vợ thứ nhất là cụ Nguyễn Thị L3 (chết đã lâu) có một con chung là bà Lê Thị H3; với người vợ thứ hai là Ngô Thị Th1 (đã chết) có 2 con chung là ông Lê Hào K1 và ông Lê Thanh B; với người vợ thứ ba là cụ Ngô Thị C1 (chết năm 1995) có 5 con chung là bà Lê Thị L1, ông Lê Ngọc L2, ông Lê Văn Ch, ông Lê Ngọc C và bà Lê Thị H. Bà H cho rằng di sản của vợ chồng cụ Ph, cụ C1 tạo lập để lại là thửa đất số 133 và 139 cùng tờ bản đồ 15 có tổng diện tích 1.1283m², tại Tổ dân phố ĐC, phường N, thị xã N1 theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri L483095 (số vào sổ cấp GCN: 01144.QSĐĐ/NH-NH) do Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp ngày 06/12/2000 đứng tên ông C, bà D nên yêu cầu chia thừa kế (tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/11/2019 bà H chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa 133 và thửa 340); trong khi đó vợ chồng ông C cho rằng di sản của cha mẹ chỉ là thửa đất 133, còn thửa 139 (cũ) do vợ chồng ông C khai hoang nên không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà H.

[2] Tại *Quyết định* số 7286/QĐ-UBND ngày 07/10/2014, UBND thị xã N1 quyết định “*thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144.QSĐĐ/NH-NH cấp ngày 20/6/2000 cho hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1 đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ 15 diện tích 584m² (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00087 cấp ngày 15/4/2010 cho hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1 đối với thửa 140, tờ bản đồ 15 diện tích 9.566m² loại đất HNK*” (bl 168). Tại *Hợp đồng cho vay từng lần ngắn hạn* ngày 06/3/2019 và *Giấy xác nhận* ngày 28/11/2019 (bl 177, 191) thể hiện bà D vay tiền Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 và ông C, bà D đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng thửa đất theo “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 483095 (số vào sổ 01144.QSĐĐ/NH-NH) do UBND huyện N1 cấp ngày 06/12/2000 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 và Giấy chứng nhận QSĐĐ này vẫn đang lưu giữ tại đây*”. Tại Công văn số 1916/CNNH (không đề ngày) tháng 7 năm 2019, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Khánh Hòa - Chi nhánh thị xã N1 cho biết “*Thửa đất 133 tờ bản đồ 15 diện tích 584m² đã được UBND thị xã N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/12/2000 cấp cho hộ ông C, bà D...đến thời điểm hiện nay thửa đất 133 chưa biến động gì quyền sử dụng đất và đang thế chấp tại Ngân hàng (có kèm trang sổ địa chính). Thửa đất 340 tờ bản đồ 15 diện tích 9.566m² đã được UBND thị xã N1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/4/2010 cho ông C, bà D đến ngày 24/10/2014 UBND thị xã N1 đã ra Quyết định thu hồi, lý do cấp trái quy định của pháp luật vì không đúng nguồn gốc đất*” (bl 94).

[3] Từ [1] và [2] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: [3.1] Di sản thừa kế có tranh chấp trong vụ án là quyền sử dụng thửa đất số 133 và thửa đất số 139 (cũ) theo *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri L483095 (số vào sổ cấp GCN: 01144.QSĐĐ/NH-NH) mà Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp ngày 06/12/2000 đứng tên “*hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1*” đã được vợ chồng

ông C, bà D thế chấp vay tiền (chưa tất toán) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1. Sau khi tạm ngừng phiên tòa sơ thẩm mở ngày 21/8/2019, Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành *Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng* số 902/2019/TB-TLVA ngày 05/9/2019 đưa thêm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng; tuy nhiên xác định đại diện theo pháp luật không đúng quy định tại Điều 134, 137 Bộ luật dân sự (vì đại diện theo pháp luật phải là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chứ không phải là Chi nhánh hay Phòng giao dịch) thể hiện ở việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ gửi và tổng đạt *Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng* số 902/2019/TB-TLVA ngày 05/9/2019 và Công văn số 903/2019/CV-DS ngày 05/9/2019 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa và Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 để yêu cầu 02 đơn vị này cung cấp ý kiến về hợp đồng thế chấp (bl 139-143). Sau khi bổ sung Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng xác định không đúng đại diện theo pháp luật thì tiếp đó Tòa án cấp sơ thẩm cũng không thực hiện thủ tục tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được quy định bắt buộc tại các Điều 208, 209, 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, từ việc xác định không đúng đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam dẫn đến việc chưa tổng đạt văn bản tố tụng cho đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam nên Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chưa có ý kiến đối Hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông C, bà D với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 và chưa được thực hiện quyền tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam không có ý kiến để tuyên bố Hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông C, bà D với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N1 vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144/QSĐĐ/NH-NH ngày 06/12/2000 đối với thửa 133 diện tích 584m² tờ bản đồ 15, thôn ĐC, phường N, thị xã N1, tỉnh Khánh Hòa là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng; [3.2]. Tại *Quyết định* số 7286/QĐ-UBND ngày 07/10/2014, UBND thị xã N1 đã “*thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144.QSĐĐ/NH-NH cấp ngày 20/6/2000 cho hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1 đối với thửa đất số 133 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00087 cấp ngày 15/4/2010 cho hộ ông Lê Ngọc C và bà Trịnh Thị D1 đối với thửa 140*”. Hồ sơ vụ án không có *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số 01144.QSĐĐ/NH-NH mà UBND thị xã N1 cấp ngày 20/6/2000 cho hộ ông C, bà D đối với thửa 133, tờ bản đồ 15 diện tích 584m² (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) mà chỉ có *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất* số sêri L483095 (số vào sổ cấp GCN: 01144.QSĐĐ/NH-NH) mà Ủy ban nhân dân huyện N1 cấp ngày 06/12/2000 cho hộ ông C, bà D tổng diện tích 11.608 m² đất tại thửa 133, tờ bản đồ 15 diện tích 584m² (T: 200m², Q: 344m², LK: 40m²) và thửa 139, tờ bản đồ 15 diện tích 11.024m²; như vậy, có thể *Quyết định* số 7286/QĐ-UBND ghi *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144.QSĐĐ/NH-NH cấp ngày 20/6/2000* là nhằm lờ ra phải

ghi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144.QSĐĐ/NH-NH cấp ngày 06/12/2000 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tại trang 7 Bản án sơ thẩm lại “má y m ó c” nhận định: “Quyết định số 7286/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của UBND thị xã N1 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01144.QSĐĐ/NH-NH cấp ngày 20/6/2000 không phải số cấp ngày 06/12/2000”. Hơn nữa, Quyết định số 7286/QĐ-UBND ngày 07/10/2014 của UBND thị xã N1 đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp đối với thửa 133 và thửa 340 và chưa cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa có Văn bản hỏi ý kiến Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đối với 02 thửa đất mà đã chia thửa kể cả 02 thửa đất là không đúng quy định tại các điểm A, B, C điểm 1.3 mục 1 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Văn bản vẫn đang được vận dụng, áp dụng). Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

[4] Từ dẫn chứng, phân tích tại các luận điểm nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 08/KNPT-VKS-DS ngày 24/12/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở, đúng pháp luật nên chấp nhận để hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên tiền tạm ứng án phí kháng phúc thẩm các đương sự đã nộp được trả lại.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 308, Khoản 1 và khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Lê Ngọc C 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001100 ngày 21/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Hoàn lại cho bà Lê Thị H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001103 ngày 25/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân